

CÔNG TY CỔ PHẦN VITADI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VITADI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VITADI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VITADI .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108599678

3. Ngày thành lập: 01/02/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2 ngõ 31 phố Lương Định Của, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979729966

Fax:

Email: luckystrong1111@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: - Tổ chức các buổi trình diễn kịch trực tiếp, các buổi hoà nhạc và opera hoặc các tác phẩm khiêu vũ và các tác phẩm sân khấu khác: + Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc, + Hoạt động của các nghệ sỹ đơn lẻ như các tác giả, diễn viên, đạo diễn, nhà sản xuất, nhạc sỹ, nhà diễn thuyết, hùng biện hoặc dẫn chương trình, người thiết kế sân khấu và các chủ thầu, v.v..., + Hoạt động của các nhà hát và các phòng hoà nhạc và các cơ sở nghệ thuật khác, + Hoạt động của các nhà điêu khắc, hoạ sỹ, người vẽ tranh biếm hoạ, thợ chạm khắc, thợ khắc axit v.v... + Phục chế các tác phẩm nghệ thuật như vẽ lại v.v...; trừ hoạt động của các nhà báo	9000
2.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
3.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
4.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
5.	Phá dỡ	4311
6.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
7.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
8.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
9.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
10.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
11.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513

12.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết :Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,... (Trừ hoạt động đấu giá)	4520
13.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại (không bao gồm môi giới bất động sản); - Chuyên giao công nghệ trong các lĩnh vực thiết bị khoa học kỹ thuật, thiết bị nghiên cứu, thiết bị y tế, thiết bị công nghiệp, thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị viễn thông. - Tư vấn, thiết kế băng chuyên tự động, thiết bị điều khiển tự động, đo lường, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện tử chuyên dụng, linh kiện điện tử, tin học chuyên dụng; Hoạt động tư vấn đấu thầu như: Lập hồ sơ mời thầu; mời thầu; tổ chức đấu thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu; Dịch vụ tư vấn về chuyển giao, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông; - Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường về công nghệ thông tin; - Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại trong lĩnh vực công nghệ thông tin; - Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật; - Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử; - Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin; - Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu; - Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin;	7490
14.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí Chi tiết: Cho thuê thiết bị âm thanh, ánh sáng, các thiết bị phục vụ tổ chức biểu diễn	7721
15.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
16.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
17.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
18.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
19.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: - Tổ chức, xúc tiến và quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức. - Tổ chức biểu diễn, dàn dựng chương trình, trừ hợp báo	8230
20.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mới thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu; Hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp; (Trừ hoạt động đấu giá)	8299
21.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
22.	Đào tạo sơ cấp	8531
23.	Giáo dục thể thao và giải trí Chi tiết: Dạy võ, dạy các môn thể thao	8551

24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
25.	Xây dựng công trình điện	4221
26.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
27.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
28.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
29.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
30.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
31.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
32.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
33.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
34.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
35.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
36.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
37.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
38.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
39.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
40.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
41.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết : Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
42.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
43.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
44.	Đại lý du lịch	7911
45.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	7912
46.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật Chi tiết: - Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác; - Dạy hội họa; - Dạy nhảy; - Dạy múa; - Dạy Mỹ thuật; - Dạy nghệ thuật biểu diễn; - Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại).	8552
47.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Đào tạo về sự sống;- Đào tạo tự vệ;- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;- Dạy đọc nhanh; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy nghề điện tử viễn thông, mạng máy tính (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	8559

48.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: - Cung cấp tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, ra quyết định tài chính, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát... - Cung cấp dịch vụ tư vấn, hướng dẫn hoặc trợ giúp hoạt động đối với doanh nghiệp hoặc các dịch vụ cộng đồng... - Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...	7020
49.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất, thiết kế công trình	7410
50.	Cho thuê xe có động cơ	7710
51.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
52.	Bán buôn thực phẩm	4632
53.	Bán buôn đồ uống	4633
54.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
55.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ Vận tải hàng hóa hàng không)	5229
57.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	6311
58.	Hoạt động thể thao khác	9319
59.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
60.	Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh và nghiệp chủ	9411
61.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
62.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
63.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
64.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
65.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
66.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
67.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
68.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
69.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610

70.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; - Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà thầu khoán các sự kiện trình diễn;	9329
71.	Hoạt động của các hội nghề nghiệp (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9412
72.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
73.	In ấn	1811
74.	Sao chép bản ghi các loại	1820
75.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
76.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
77.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
78.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
79.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
80.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
81.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
82.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất gia công và sửa chữa các sản phẩm cơ khí, điện tử, tự động hoá; - Sản xuất, gia công và sửa chữa sản phẩm điện;	2599
83.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
84.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
85.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
86.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
87.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nhạc cụ; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
88.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

89.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn: - máy móc, thiết bị, phụ tùng máy xây dựng; - máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường. - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu. (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	4659
90.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
91.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
92.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt vệ sinh.	4663
93.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
94.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
95.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
96.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
97.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
98.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
99.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
100.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
101.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
102.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
103.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
104.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
105.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
106.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
107.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
108.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
109.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
110.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
111.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
112.	Xây dựng công trình công ích khác	4229

113.	Xây dựng công trình thủy	4291
114.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
115.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
116.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
117.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
118.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4511
119.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
120.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
121.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
122.	Xây dựng nhà không để ở	4102
123.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
124.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
125.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
126.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi để xe đạp, xe máy	5221
127.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
128.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
129.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
130.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
131.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
132.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
133.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn đá quý; Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;	4669
134.	Bán buôn tổng hợp	4690
135.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
136.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
137.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
138.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

139.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động:- Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;- Bán lẻ tem và tiền kim khí)	4773
140.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
141.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
142.	Hoạt động viễn thông khác	6190
143.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
144.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
145.	Chăn nuôi gia cầm	0146
146.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
147.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
148.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất vải lót máy móc, - Sản xuất vải quần áo dễ co giãn, - Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật, - Sản xuất dây giày, - Sản xuất bông đánh phấn và găng tay, - May bao đựng gạo, vest sô quần áo.	1399
149.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
150.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
151.	Dịch vụ liên quan đến in Trừ rập khuôn tem	1812
152.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
153.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
154.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
155.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
156.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
157.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
158.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
159.	Sản xuất nhạc cụ	3220
160.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
161.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
162.	Sản xuất điện	3511
163.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
164.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211

165.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
166.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
167.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
168.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
169.	Giáo dục nhà trẻ	8511
170.	Giáo dục mẫu giáo	8512
171.	Giáo dục tiểu học	8521
172.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
173.	Đào tạo trung cấp	8532
174.	Đào tạo cao đẳng	8533
175.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học, + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560(Chính)
176.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
177.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
178.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
179.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
180.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
181.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
182.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
183.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
184.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
185.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
186.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
187.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
188.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
189.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

190.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
191.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
192.	Chuyên phát	5320
193.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
194.	Dịch vụ ăn uống khác Chỉ gồm có: Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng (doanh nghiệp chỉ được kinh doanh theo qui định của pháp luật);	5629
195.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
196.	Xuất bản phần mềm (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5820
197.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Không bao gồm sản xuất chương trình truyền hình)	5911
198.	Hoạt động hậu kỳ	5912
199.	Lập trình máy vi tính	6201
200.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);	6619
201.	Cổng thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí)	6312
202.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
203.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
204.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
205.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
206.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
207.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất mũ bảo hiểm (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3290
208.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
209.	Xây dựng nhà để ở	4101
210.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:**8. Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ PHƯƠNG LỰC	18 Ngõ 80 Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	285.000	2.850.000.000	95,000	013280619	
			Tổng số	285.000	2.850.000.000	95,000		
2	NGUYỄN THỊ SÔNG HƯƠNG	15-A4, Ngọc Khánh, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000	90.000.000	3,000	013132246	
			Tổng số	9.000	90.000.000	3,000		
3	CAO THÙY LINH	Số 18, Ngõ 80, Phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.000	60.000.000	2,000	0401940002 31	
			Tổng số	6.000	60.000.000	2,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ PHƯƠNG LỰC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/07/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013280619

Ngày cấp: 15/03/2010

Nơi cấp: CA HÀ NỘI

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 18 Ngõ 80 Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 18 Ngõ 80 Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội